

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2021

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước

Ông Nguyễn Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 455/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Hoài E, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã P, huyện CL, tỉnh TV.

Bị đơn: chị Kim Thị Bé B, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Lưu Tư, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18-11-2020 và bản tự khai ngày 07/01/2021 nguyên đơn anh Nguyễn Hoài E trình bày: anh Với chị Kim Thị Bé B quen biết nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 03-9-2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn cự cãi với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt. Tháng 6-2016, chị Bé B bỏ nhà đi làm ăn xa, từ đó anh và chị Bé B sống ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Bé B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Kim Thị Yến Nh, sinh ngày 30/6/2009 và Kim Thành Đ, sinh ngày 30/11/2007 hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi con nếu con ở với chị Bé B thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi đứa con đến khi con tròn 18 tuổi còn nếu con ở với anh thì không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 23-12-2020 bị đơn chị Kim Thị Bé B trình bày: Chị Bé B thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Hoài E về quan hệ hôn nhân, như nội dung trong đơn khởi kiện của anh Hoài E. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hoài E có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống nhưng thỉnh thoảng chị cũng có qua ở chung với chồng nhưng tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn lại được nên chị bỏ về đi làm ở Sài Gòn từ năm 2013 sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Hoài E nữa nên yêu cầu xin ly hôn của anh Hoài E thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Kim Thị Yến Nh, sinh ngày 30/6/2009 và Kim Thành Đ, sinh ngày 30/11/2007 hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi con nếu con ở với chị thì yêu cầu anh Hoài E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi đứa con đến khi con tròn 18 tuổi còn nếu con ở với anh Hoài E thì không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nữ trang cưới 3,5 chỉ vàng 24Kra. Trong đó, mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Kỳ quản lý đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kra và chị quản lý dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24Kra. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số nữ trang trên. Ngoài ra lúc vợ chồng còn sống chung, gia đình bên chồng có cho vợ chồng 3,5 công đất ruộng nhưng chưa tách thửa sang tên. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được chia 1,5 công đất này tính giá trị bằng 120.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 03 tháng 09 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã Phương Thạnh cấp cho anh Nguyễn Hoài E và chị Kim Thị Bé B đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoài E đối với chị Kim Thị Bé B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Lưu Tư, xã Huyền Hội, huyện Càng

Long, tỉnh Trà Vinh. Nên xác định là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Càng Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Nguyễn Hoài E xin ly hôn với chị Kim Thị Bé B nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến chị Bé B bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2013 đến nay. Từ đó, cuộc sống vợ chồng giữa anh Hoài E với chị Bé B mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, liên lạc với nhau, thân ai nấy sống, tình cảm ngày càng phai nhạt. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, vợ chồng anh Hoài E với chị Bé B đã không còn sống với nhau, không mang lại hạnh phúc cho nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm cho nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại bản khai ngày 23-12-2020 chị Bé B cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, chị Bé B không còn tình cảm với anh Hoài E nên cũng đồng ý ly hôn với anh Hoài E. Hội đồng xét xử thấy rằng theo bản tự khai của anh Hoài E với chị Bé B đều thống nhất đồng ý ly hôn. Nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Hoài E với chị Bé B theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 người con tên Kim Thị Yến Nh, sinh ngày 30/6/2009 và Kim Thành Đ, sinh ngày 30/11/2007 hiện hai con đang sống với chị Bé B. Tại bản tự khai của anh Hoài E với chị Bé B đều thống nhất với nhau là sau khi ly hôn thì theo nguyện vọng của hai con sống với ai thì người đó nuôi con. Khi đó, con Kim Thành Đ có ý kiến nguyện vọng được ở chung với chị Bé B còn con Kim Thị Yến Nh có ý kiến nguyện vọng được ở chung với anh Hoài E. Thấy rằng, mặc dù hiện nay hai con đang ở với chị Bé B nhưng anh Hoài E cũng thường xuyên thăm nom, chăm sóc con. Thấy rằng, việc mỗi người nuôi một con sẽ đảm bảo về sinh hoạt, học tập của con tốt hơn. Do đó, cần ghi nhận ý kiến nguyện vọng của con. Giao cho anh Hoài E được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Kim Thị Yến Nh và chị Bé B được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Kim Thành Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Khi đó chị Bé B yêu cầu anh Hoài E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi đứa con cho đến khi con tròn 18 tuổi còn anh Hoài E chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi đứa con cho

đến khi con tròn 18 tuổi. Thấy rằng, sau khi ly hôn thì anh Hoài E với chị Bé B mỗi người đều được nuôi một đứa con, đều có trách nhiệm nuôi con như nhau. Đồng thời anh Hoàng Em còn đồng ý tự nguyện cấp dưỡng cho con Kim Thành Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh Hoài E.

[5] Về tài sản chung: Chị Bé B yêu cầu được chia 1,5 công đất này tính giá trị bằng 120.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho bà Bé B thực hiện quyền yêu cầu phản tố để giải quyết yêu cầu trên trong vụ kiện trong hạn luật định nhưng chị Bé B không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mà dành cho chị Bé B một vụ kiện khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[6] Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Anh Hoài E với chị Bé B đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Anh Hoài E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Hoài E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoài E với chị Kim Thị Bé B. Giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 03 tháng 09 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã Ph cấp cho anh Nguyễn Hoài E và chị Kim Thị Bé B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hoài E được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Kim Thị Yến Nh, sinh ngày 30/6/2009. Chị Kim Thị Bé B được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Kim Thành Đ, sinh ngày 30/11/2007.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện anh Nguyễn Hoài E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho chị Kim Thị Bé B nuôi con Kim Thành Đ, sinh ngày 30/11/2007 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoài E với chị Kim Thị Bé B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi

người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hoài E với chị Kim Thị Bé B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hoài E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Hoài E đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004007 ngày 01 tháng 12 năm 2020. Do đó, anh Hoài E còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Anh Nguyễn Hoài E với chị Kim Thị Bé B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Phương Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Huỳnh Liêm